

Bản án số: **291/2024/HS-PT**

Ngày: 01-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hương

Các Thẩm phán:

Bà Phan Thị Thu Hương

Bà Nguyễn Thị Lệ Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 161/2024/TLPT-HS ngày 23 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo **Nguyễn Hòa H** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2024/HS-ST ngày 25/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Hòa H (tên gọi khác: **H1**), sinh ngày 30/8/1980 tại tỉnh Bến Tre; Nơi thường trú: **Số A, ấp D, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre**; Nơi tạm trú: **Số A đường Đ, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương**; Chỗ ở hiện nay: **Số C đường Đ, tổ A, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương**; Nghề nghiệp: Làm Thuê; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Nguyễn Thành T**, sinh năm 1956 và bà **Lê Thị Tuyết N**, sinh năm 1957; Có vợ là **Trần Thị Yén N1**, sinh năm 1989 (đã ly hôn) và có 01 con, sinh năm 2015;

Tiền án, tiền sự: Không;

Hiện bị cáo đang tại ngoại. (Có mặt)

Ngoài ra, còn có bị hại không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu năm 2021, Nguyễn Hòa H và chị Nguyễn Thị Thu H2 (sinh năm 1989, ngụ tại số F, tổ A, khu phố C, phường T, thành phố B) quen biết và có tình cảm với nhau. Trong thời gian này, H có cho chị H2 một số tiền để trả tiền phòng trọ và mua đồ ăn hàng ngày. Đến tháng 5/2021 hai bên phát sinh mâu thuẫn nên chia tay. Sau đó, H đòi chị H2 phải trả lại số tiền quá trình yêu đương đã cho chị H2 và chị H2 đã trả cho H 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Khoảng 16 giờ 20 phút ngày 19/5/2021, H đang điều khiển xe mô tô hiệu Wave S (không rõ biển số) đi giao hàng trên đường P, khu phố C, phường T, thành phố B thì nhìn thấy chị Lê Thị Mi N2 (sinh năm 1982, ngụ tại: 1, khu phố B, phường Q, thành phố B) đang điều khiển xe mô tô biển số 60B1- 84.169 chở chị H2 ngồi phía sau nên H điều khiển xe đuổi theo. Khi đến trước cửa hàng “Chăn ấm nệm êm” tại số D, khu phố C, phường T thì H ép xe của chị N2 vào lề đường (chị N2 và chị H2 vẫn ngồi trên xe). H xuống xe đi đến yêu cầu chị H2 phải trả cho H 2.500.000 đồng, trong đó: 1.000.000đ (Một triệu đồng) là tiền thuốc do anh của chị H2 đã đánh H và 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) là tiền H đưa cho chị H2 trong thời gian quen nhau, nhưng chị H2 không đồng ý hai bên xảy ra cãi vã với nhau. Lúc này H dùng tay giật chiếc giỏ xách của chị H2 đang đeo làm đứt quai giỏ rồi H cầm chiếc giỏ xách tiếp tục cự cãi với chị H2 và dọa nếu chị H2 không trả tiền thì H sẽ lấy điện thoại. Thấy vậy, chị H2 xuống xe định giật lại chiếc giỏ xách nhưng sợ bị H đánh nên chị H2 dừng lại và H cầm chiếc giỏ xách lên xe bỏ đi.

Sau khi về phòng trọ H mở giỏ xách của chị H2 thì thấy bên trong có 01 điện thoại di động hiệu S; 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tiền mặt; 01 giấy chứng minh nhân dân; 01 giấy phép lái xe; 01 thẻ bảo hiểm y tế và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô (tất cả đều mang tên chị H2) nên H tháo sim trong chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A50S để lấy chiếc điện thoại và 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) sử dụng cá nhân.

Ngày 19/5/2021, chị H2 đến Công an phường T trình báo sự việc, Công an phường T đã lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xử lý.

Khoảng 10 giờ ngày 20/5/2021, H mang chiếc giỏ xách bên trong có 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 sim điện thoại, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ bảo hiểm y tế và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô của chị H2 đến nhờ chị Phan Thị Thu T1, ngụ tại số E, khu phố C, phường T, thành phố B (là người bán tạp hóa gần nhà chị H2) trả lại cho chị H2.

Ngày 12/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Nguyễn Hòa H để điều tra, xử lý.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Hòa H đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Tại Bản kết luận định giá số 390/KL-HĐĐGTS ngày 24/9/2021, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: “01 (một) điện thoại di động S A50S trị giá 2.994.000đ (Hai triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn đồng); còn 01 giỏ xách không rõ nhãn hiệu, chủng loại nên không định giá được.”

* Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đã được cấp sơ thẩm xử lý đúng quy định pháp luật.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2024/HS-ST ngày 25/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hòa H 01 (Một) năm 04 (B) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo tự nguyện đi thi hành án hoặc bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 29/01/2024, bị cáo Nguyễn Hòa H kháng cáo xin được hưởng án treo. Tại phiên tòa, bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo của bị cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa nêu quan điểm vụ án:

Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo **Nguyễn Hòa H** 01 (Một) năm 04 (**B**) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, cần dành cho bị cáo mức hình phạt phù hợp đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ và xử phạt bị cáo **H** mức án nêu trên là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết nào đặc biệt mới nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2024/HS-ST ngày 25/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **Nguyễn Hòa H** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu, cụ thể:

Vào ngày 19/5/2021, tại trước cửa hàng “Chăn ấm nệm êm” (**số D, khu phố C, phường T**), **Nguyễn Hòa H** đã thực hiện hành vi uy hiếp, đe dọa và chiếm đoạt 01 chiếc giỏ xách của chị **Nguyễn Thị Thu H2**, bên trong giỏ có: 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng); 01 điện thoại di động hiệu **S** A50S trị giá 2.994.000đ (Hai triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn đồng) và một số giấy tờ tùy thân của chị **H2** như: Giấy chứng minh nhân dân; Giấy phép lái xe; Thẻ bảo hiểm y tế và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. Tổng giá trị tài sản của chị **H2** là 3.494.000đ (Ba triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Với hành vi phạm tội nêu trên, bị cáo **Nguyễn Hòa H** đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, cần dành cho bị cáo mức hình phạt phù hợp đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo để áp dụng các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo và xử phạt bị cáo mức án **01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng tù** là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp Đơn xin xác nhận của chính quyền địa phương thể hiện bị cáo là lao động chính trong gia đình, hiện ba mẹ bị cáo không còn sức lao động và đang nuôi con nhỏ ăn học. Gia đình bị cáo được chính quyền địa phương xác nhận là hộ nghèo (đính kèm theo Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre).

Qua xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy mức án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo **H** là đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội bị cáo gây ra. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo để chuyển sang hình phạt tù cho bị cáo hưởng án treo như đơn kháng cáo của bị cáo nêu.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Hòa H.** Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2024/HS-ST ngày 25/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[2] Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt:

Bị cáo **Nguyễn Hòa H** 01 (Một) năm 04 (B) tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo tự nguyện đi thi hành án hoặc bị bắt đi thi hành án.

[3] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa (2);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an TP. Biên Hòa;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an TP. Biên Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh Đồng Nai (PV06);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Cơ sở giam giữ - Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Hồng Hương